

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 25- 4-2019

“V/v: Tranh chấp ly hôn ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Vàng Huy Lập

+ Ông Dương Hải Long

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Dĩ Ly Đan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: đường B, phường G, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: đường V, Phường H, thành Phố D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Bùi Minh C, sinh năm: 1984

Địa chỉ: đường B, phường G, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: đường V, phường H, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng

(Chị T có mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2018 nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T với anh Bùi Minh C kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng

sống tại: nhà bố mẹ chồng ở thành phố D, tỉnh Lâm Đồng, được một thời gian thì vợ chồng thuê nhà sống tại đường V, phường H, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp tính cách, trong công việc làm ăn, kinh tế gia đình, tính chất công việc, anh C không lo cho vợ con. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ngồi lại nói chuyện để tìm ra cách giải quyết nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được. Nên chị T yêu cầu được ly hôn anh Bùi Minh C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thiên P, sinh ngày 22/9/2014, hiện nay con đang ở với mẹ. Ly hôn chị Trần Thị Thanh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản tự khai ngày 09/01/2019 anh Bùi Minh C trình bày:

Anh Bùi Minh C kết hôn với chị Trần Thị Thanh T vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại thành phố D, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại đường V, phường H, thành phố D. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tiền bạc, kinh tế trong gia đình, con cái nên vợ chồng thường xuyên cãi vã.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thiên P, sinh ngày 22/9/2014, hiện nay con đang ở với mẹ. Ly hôn anh C cũng muốn nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng anh Bùi Minh C cũng không đến tòa. Nên tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: chị Trần Thị Thanh T vẫn yêu cầu xin ly hôn anh Bùi Minh C và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo quy định.

Tòa án, xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, việc thu thập chứng cứ của vụ án, đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Trần Thị Thanh T và anh Bùi Minh C là hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp tính cách, trong công việc làm ăn, kinh tế gia đình, tiền bạc, tính chất công việc, anh C không lo cho vợ con, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thiên P, sinh ngày 22/9/2014, hiện nay con đang ở với chị T. Để đảm bảo quyền lợi cho trẻ em nên tiếp tục giao con chung tên Bùi Thiên P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến ngày con thành niên, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T xin ly hôn anh Bùi Minh C, nên xác định quan hệ tranh chấp “ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C hiện đang tạm trú tại nhà số đường V, phường H, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng, nên căn cứ Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Thanh T và anh Bùi Minh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống không được bao lâu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã về kinh tế gia đình,

công ăn việc làm, cách dạy con cái, tiền bạc, anh C không lo cho gia đình mà thường xuyên ham chơi, gia đình không có tiếng nói chung.

Tại phiên tòa chị T trình bày: Về việc ly hôn của vợ chồng đã được gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo, chị T cũng nhiều lần bỏ qua tha thứ cho anh C để anh C sửa đổi, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn càng nhiều hơn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng động viên chị T bỏ qua những sai trái của anh C để gia đình đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng chị T không đồng ý và cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên mong muốn được ly hôn. Từ khi thụ lý vụ án anh C có đến tòa làm bản tự khai, sau đó tòa đã triệu tập, tổng đạt niêm yết nhưng anh C vẫn không đến tòa để giải quyết. Qua xác minh tại khu phố nơi anh C tạm trú việc mâu thuẫn của vợ chồng tổ không biết do vợ chồng không báo nên không có cơ sở để hòa giải, giải quyết.

Từ những nhận định trên xét thấy: Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị T là có xảy ra đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, bản thân anh C cũng không đến tòa thể hiện không mong muốn đoàn tụ gia đình, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung tên Bùi Thiên P, sinh ngày 22/9/2014, hiện nay đang ở với mẹ. Hơn nữa hiện nay cháu P cũng còn nhỏ, chị T cũng là người thường xuyên chăm sóc cháu. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu nên tiếp tục giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên không đề cập

[5] *Tài sản chung, nợ chung:* Chị T xác định không có, nên không đề cập.

[6] *Về án phí:* Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T. Cho chị Trần Thị Thanh T và anh Bùi Minh C được ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung tên Bùi Thiên P, sinh ngày 22/9/2014 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

2.2 Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thanh T không yêu cầu anh Bùi Minh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng chị T đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011791 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

4. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Thanh T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Bùi Minh C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THA thành phố D;
- UBND, phường G, thành phố D
- Lưu

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Văn Điền